

Phụ lục 2.1: Tuyến cao tốc Hà Nội - Hoà Bình - Sơn La - Điện Biên (CT.03)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với vành đai 3 - Hà Nội, thuộc địa phận phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Tây Trang, thuộc địa phận xã Sam Mứn, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 395 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ, Sơn La và Điện Biên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn vành đai 3 - Mộc Châu: hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

Đoạn Mộc Châu - Điện Biên: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.6 và QL.279.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 - 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

- Đoạn vành đai 3 - Hòa Bình: 6 làn xe.

- Đoạn Hoà Bình - Điện Biên: 4 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình: quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 3.156 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 76.500 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét:

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng đoạn Hoà Lạc - Mộc Châu.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng mới đoạn Mộc Châu - Điện Biên.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.2: Tuyến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.5, thuộc địa phận phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.

Tổng chiều dài khoảng 106 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng và Hưng Yên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 996 ha.

8. Tiến độ thực hiện dự kiến: đã đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.3: Tuyến cao tốc Hà Nội - Lào Cai (CT.05)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long, thuộc địa phận xã Nội Bài, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại khu vực cầu Kim Thành, thuộc địa phận xã Cốc San, tỉnh Lào Cai.

Tổng chiều dài khoảng 265 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ và Lào Cai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 2.491 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 38.444 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.4: Tuyến cao tốc Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái (CT.06)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, thuộc địa phận phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với ĐT.355, thuộc địa phận Đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 176 km. Đi qua địa bàn thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố phù hợp với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp; kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ được xác định theo dự án triển khai, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.654 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 26.400 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.5: Tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng (CT.07)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Võ Nguyên Giáp, thuộc địa phận phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng.

Tổng chiều dài khoảng 229km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thái Nguyên và Cao Bằng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn Hà Nội - Bắc Kạn: hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

Đoạn Bắc Kạn - Cao Bằng: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.3.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 - 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

- Đoạn Hà Nội - Thái Nguyên: 6 làn xe.
- Đoạn Thái Nguyên - Cao Bằng: 4 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình:

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.832 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 36.300 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét:

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới.
- Ưu tiên đầu tư xây dựng mới đoạn Chợ Mới - Bắc Kạn - Cao Bằng.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.6: Tuyến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Yên Thắng, tỉnh Ninh Bình.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, thuộc địa phận xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng.

Tổng chiều dài khoảng 117 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Hưng Yên và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ được xác định theo dự án triển khai, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 936 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.100 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.7: Tuyến cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long (CT.09)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, thuộc địa phận xã Kim Anh, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái, thuộc địa phận phường Hoàng Bồ, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 140 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh và Quảng Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn Nội Bài - Bắc Ninh: hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

Đoạn Bắc Ninh - Hạ Long: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.18.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.316 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 48.011 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét:

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng đoạn Nội Bài - Bắc Ninh theo quy mô quy hoạch.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng mới đoạn Bắc Ninh - Hải Dương, đoạn Hải Dương - Hạ Long.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.8: Tuyến cao tốc Tiên Yên - Lạng Sơn - Cao Bằng (CT.10)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái, thuộc địa phận xã Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, thuộc địa phận xã Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

Tổng chiều dài khoảng 235 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn và Cao Bằng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn Tiên Yên - Đồng Đăng: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.4B.

Đoạn Đồng Đăng - Trà Lĩnh: hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến của dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.880 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 41.079 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét:

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng đoạn Đồng Đăng - Trà Lĩnh.
- Ưu tiên đầu tư xây dựng mới đoạn Tiên Yên - Đồng Đăng.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.9: Tuyến cao tốc Hà Nam - Nam Định (CT.11)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Liêm Tuyền, tỉnh Ninh Bình.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, thuộc địa phận xã Cổ Lễ, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 52 km. Đi qua địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn Phủ Lý - Nam Định: hướng tuyến cơ bản đi trùng với đường hiện hữu.

Đoạn Nam Định - Xuân Trường: hướng tuyến cơ bản đi trùng với tuyến Nam Định - Lạc Quan - Đường ven biển.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ được xác định theo dự án triển khai, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 416 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 15.600 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét:

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng đoạn Phủ Lý - Nam Định.
- Ưu tiên đầu tư xây dựng mới đoạn Nam Định - Xuân Trường.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.10: Tuyến nối đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai với Hà Giang (CT.12)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, thuộc địa phận xã Mậu A, tỉnh Lào Cai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.2, thuộc địa phận xã Bắc Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng chiều dài khoảng 81km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Lào Cai và Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.70, QL.2, ĐT.165 và ĐT.152.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 648 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 24.300 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.11: Tuyến cao tốc Bảo Hà (Lào Cai) - Lai Châu (CT.13)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, thuộc địa phận xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai.

Điểm cuối: tại khu vực cửa Khâu Ma Lù Thàng, thuộc địa phận xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Tổng chiều dài khoảng 163 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Lào Cai và Lai Châu.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.279, QL.32 và QL.4D.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.304 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 49.200 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.12: Tuyên cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ (CT.14)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường vành đai 5 - Hà Nội, thuộc địa phận xã Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, thuộc địa phận xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Tổng chiều dài khoảng 39 km. Đi qua địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Hưng Yên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến quy hoạch và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 368 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 13.500 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.13: Tuyến cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (CT.15)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ, thuộc địa phận xã Nhữ Khê, tỉnh Tuyên Quang.

Điểm cuối: tại khu vực Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, thuộc địa phận xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng chiều dài khoảng 178km. Đi qua địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.424 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 14.802 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.14: Tuyên cao tốc Hưng Yên - Thái Bình (CT.16)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường vành đai 4 - Hà Nội, thuộc địa phận xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, thuộc địa phận xã Lê Lợi, tỉnh Hưng Yên.

Tổng chiều dài khoảng 66 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Hưng Yên, Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn vành đai 4 - vành đai 5 Hà Nội: hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

Đoạn vành đai 5 - đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.39.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ được xác định theo dự án triển khai, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 528 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 19.800 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).